Biểu số 38/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số 430 /BC-STC ngày 05/12/2022 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, nhiệm vụ chi khác chưa bố trí	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	**5.397.387**	**2.091.879**	**1.953.274**	**450**	**1.000**	**94.219**	**206.752**	**1.047.013**	**216.412**	**830.601**	**0**
I	**CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**	**1.871.535**	**0**	**1.871.535**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Văn phòng Tỉnh ủy	85.384		85.384								
2	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	22.590		22.590								
3	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	40.647		40.647								
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	15.818		15.818								
5	Sở Khoa học và Công nghệ	19.147		19.147								
6	Sở Nội vụ	25.370		25.370								
7	Sở Tài chính	15.562		15.562								
8	Sở Lao động thương binh và Xã hội	26.078		26.078								
9	Sở Giao thông Vận tải	59.705		59.705								
10	Sở Xây dựng	7.158		7.158								
11	Sở Công thương	8.149		8.149								
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75.143		75.143								
13	Sở Tư pháp	10.177		10.177								
14	Sở Ngoại vụ	8.963		8.963								
15	Sở Giáo dục và Đào tạo	264.322		264.322								
16	Sở Y tế	445.738		445.738								
17	Sở Văn hoá thể thao và Du lịch	72.151		72.151								
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	26.893		26.893								
19	Sở Thông tin và Truyền thông	20.993		20.993								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, nhiệm vụ chi khác chưa bố trí	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	Ban QL Khu KTCK Ma Lù thàng	15.464		15.464								
21	Văn phòng Ban An toàn giao thông	2.222		2.222								
22	Ban Dân tộc	4.461		4.461								
23	Thanh tra tỉnh	8.256		8.256								
24	Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh	6.277		6.277								
25	Hội Cựu chiến binh	2.706		2.706								
26	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.283		5.283								
27	Tỉnh đoàn thanh niên	10.287		10.287								
28	Hội Nông dân tỉnh	9.595		9.595								
29	Đài Phát thanh Truyền hình	36.059		36.059								
30	Ban QLTTHC chính trị tỉnh	23.821		23.821								
31	Trường Chính trị tỉnh	7.471		7.471								
32	Trường Cao đẳng cộng đồng	35.490		35.490								
33	Hội Luật gia	1.062		1.062								
34	Hội Nhà báo	420		420								
35	Ban Chấp hành hội người cao tuổi	2.021		2.021								
36	Hội Chữ thập đỏ	3.770		3.770								
37	Hội Văn học nghệ thuật	2.610		2.610								
38	Hội Khuyến học	418		418								
39	Liên minh hợp tác xã	5.017		5.017								
40	Liên hiệp hội Khoa học và Kỹ thuật	1.234		1.234								
41	Công an tỉnh	33.902		33.902								
42	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	54.544		54.544								
43	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng	10.929		10.929								
44	Bảo Hiểm xã hội tỉnh	255.376		255.376								
45	Liên đoàn lao động tỉnh	2.735		2.735								
46	Viện kiểm sát	250		250								
47	Tòa án nhân dân	250		250								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do Chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, nhiệm vụ chi khác chưa bố trí	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
48	Cục Thi hành án Dân sự	200		200								
49	Cục quản lý thị trường	250		250								
50	Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam tại Lai Châu	100		100								
51	Ban chấp hành Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	200		200								
52	Ban bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	3.040		3.040								
53	Cty TNHH 1 thành viên QL thuỷ nông	16.200		16.200								
54	Ngân hàng chính sách xã hội	15.000		15.000								
55	Công ty cổ phần cao su Dầu tiếng Lai Châu	71		71								
56	Công ty cổ phần cao su Lai Châu	2.953		2.953								
57	Công ty cổ phần cao su Lai Châu II	1.203		1.203								
58	Cục Thống kê tỉnh Lai Châu	100		100								
59	Cục Thuế tỉnh Lai Châu	300		300								
60	Nhiệm vụ chi khác (Dự kiến kinh phí kỷ niệm 20 năm chia tách thành lập tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ phát sinh)	40.000		40.000								
II	**CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY**	**450**	**0**	**0**	**450**	**0**	**0**	**0**	**0**	0	0	
III	**CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH**	**1.000**	**0**	**0**	**0**	**1.000**	**0**	**0**	**0**	0	0	
IV	**CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH**	**94.219**	**0**	**0**	**0**	**0**	**94.219**	**0**	**0**	0	0	
V	**CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG**	**206.752**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**206.752**	**0**	0	0	
VI	**CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH HUYỆN**											
VII	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU**											